TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/DS-ST
Ngày: 26/10/2020
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Đến.

Ông Huỳnh Ngọc Song.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 342/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng NN0&PTNTVN.

Địa chỉ: số 18 THD, phường MĐ, quận TL, Thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phi Y – Cán bộ tín dụng Ngân hàng NN0&PTNTVN – Chi nhánh huyện CT, tỉnh TV (văn bản số 18/QĐ-UQTT ngày 14/7/2020) (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh TV.

- *Bị đơn:* Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã HL, huyện CT, tỉnh TV.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1944 (vắng mặt).

2/ Bà Thái Thị T1, sinh năm 1948 (vắng mặt).

3/ Bà Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã HL, huyện CT, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020 và trong quá trình giải quyết người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng NN0&PTNTVN có ý kiến trình bày và yêu cầu:

Ngân hàng NN0&PTNTVN – Chi nhánh huyện CT, Phòng giao dịch HL ký hợp đồng tín dụng 7409LAV201800761/HĐTD ngày 06/02/2018 với bà Trần Ngọc H. Số tiền vay 350.000.000đ, hạn trả cuối cùng ngày 06/02/2021. Lãi suất cho vay 10,0%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay. Mục đích cho vay chăn nuôi bò. Các lần nhận nợ tiền vay và kỳ hạn trả nợ: kỳ 1 ngày 06/02/2019 trả 100.000.000đ; kỳ 2 ngày 06/02/2020 trả 100.000.000đ; kỳ 3 ngày 06/02/2021 trả 150.000.000đ.

Tài sản thế chấp gồm 03 thửa đất: đất trồng màu diện tích 640m^2 thửa 1131, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 479632 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/12/1995 cho hộ ông Trần Văn T; đất trồng lúa diện tích 6.240m^2 thửa 874, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 479639 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/12/1995 cho hộ ông Trần Văn T; đất trồng màu diện tích 4.760m^2 thửa 478, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 479636 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/12/1995 cho hộ ông Trần Văn T.

Trong quá trình vay vốn bà Hân đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện trả nợ gốc và lãi đúng hạn, Ngân hàng đã cử cán bộ đến đôn đốc nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 26/10/2020 bà Trần Ngọc H còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc 224.100.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng), tiền lãi đến ngày 26/10/2020 trong hạn 12.340.800đ (Mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, tám trăm đồng), lãi quá hạn 2.669.600đ (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm đồng).

Nay Ngân hàng NN0&PTNTVN yêu cầu bà Trần Ngọc H, ông Trần Văn T, bà Thái Thị T1, bà Trần Thị Ngọc Đ phải thanh toán số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh. Nếu không thanh toán đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng có mặt, bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt, cũng không có ý kiến hoặc văn bản gởi đến Tòa án nên không thể tiến hành việc lấy lời khai, không tiến hành việc kiểm tra chứng cứ, hòa giải được, do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ngân hàng NN0&PTNTVN yêu cầu bị đơn bà Trần Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Thái Thị T1, bà Trần Thị Ngọc Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền gốc 224.100.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng), tiền lãi đến ngày 26/10/2020 trong hạn 12.340.800đ (Mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, tám trăm đồng), lãi quá hạn 2.669.600đ (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm đồng). Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn bà H có nơi cư trú ấp T, xã HL, huyện CT, tỉnh TV. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã đưa bị đơn bà Trần Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Thái Thị T1, bà Trần Thị Ngọc Đ tham gia tố tụng, đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến ghi bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định tại Điều 68, 70, 177, 196, 205, 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại các phiên họp, hòa giải đại diện cho nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt, nên không thể tiến hành việc lấy lời khai nên không tiến hành việc kiểm tra chứng cứ, hòa giải được. Bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc văn bản gởi đến Tòa án về số tiền vay mà nguyên đơn khởi kiện, nên bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện cho Ngân hàng vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý

do, do đó căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Ngân hàng NN0&PTNTVN yêu cầu bà Trần Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Thái Thị T1, bà Trần Thị Ngọc Đ trả tiền gốc 224.100.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng), tiền lãi đến ngày 26/10/2020 trong hạn 12.340.800đ (Mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, tám trăm đồng), lãi quá hạn 2.669.600đ (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm đồng). Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Xét thấy có đủ cơ sở xác định ngày 06/02/2018 bà H có ký hợp đồng tín dụng Ngân hàng NN0&PTNTVN – Chi nhánh huyện CT, Phòng giao dịch HL số tiền 350.000.000đ. Việc cho vay này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm đạo đức, không trái quy định pháp luật, nên hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp. Tuy nhiên do bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận ban đầu là đã vi phạm các điều, khoản trong hợp đồng là đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Nên Ngân hàng khởi kiện bà H cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, Ngân hàng NN0&PTNTVN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí thẩm định tài sản: Bà Trần Ngọc H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NN0&PTNTVN.

Buộc bị đơn bà Trần Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Thái Thị T1, bà Trần Thị Ngọc Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng NN0&PTNTVN tiền gốc 224.100.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng), tiền lãi đến ngày 26/10/2020 trong hạn 12.340.800đ (Mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn, tám trăm đồng), lãi quá hạn 2.669.600đ (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày 27/10/2020 bị đơn bà Trần Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Thái Thị T1, bà Trần Thị Ngọc Đ còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 7409LAV201800761/HĐTD ngày 06/02/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bị đơn bà Trần Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Thái Thị T1, bà Trần Thị Ngọc Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ, thì Ngân hàng NN0&PTNTVN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: đất trồng màu diện tích 640m^2 thửa 1131, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 479632 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/12/1995 cho hộ ông Trần Văn T; đất trồng lúa diện tích 6.240m^2 thửa 874, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 479639 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/12/1995 cho hộ ông Trần Văn T; đất trồng màu diện tích 4.760m^2 thửa 478, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 479636 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 23/12/1995 cho hộ ông Trần Văn T.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Trần Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Thái Thị T1, bà Trần Thị Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.977.760đ (Năm triệu, chín trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng) Ngân hàng NN0&PTNTVN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 5.602.000đ (Năm triệu, sáu trăm lẻ hai ngàn đồng) theo biên lai thu

số 0000086 ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về chi phí thẩm định tài sản: Buộc bị đơn bà Trần Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Thái Thị T1, bà Trần Thị Ngọc Đ phải chịu 350.000đ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bảo Trân